TẠP CHÍ KHOA HỌC VÀ GIÁO DỤC
ISSN: 1859-1612
Journal homepage: https://tckhgd.dhsphue.edu.vn

Quan hệ giữa hai miền Bắc – Nam Việt Nam những năm 1954 –1958 nhìn từ hoạt động trao đổi kinh tế ở khu vực Giới tuyến quân sự tạm thời

Hoàng Chí Hiếu[1], Huỳnh Tô Minh Châu[2]

[1]Khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế

[2]Trường Tiểu học, THCS & THPT FPT Huế, thành phố Huế

THÔNG TIN BÀI BÁO

Quá trình xử lý:
Ngày nhận bài: 17/10/2025
Ngày nhận bản chỉnh sửa: 13/11/2025
Ngày nhận đăng: 27/11/2025
Ngày xuất bản: 20/02/2026

Từ khóa:
Trao đổi kinh tế;
Giới tuyến;
Miền Bắc;
Miền Nam;
Việt Nam.

TÓM TẮT

Với Hiệp định Genève (21-7-1954), Việt Nam tạm chia thành hai miền, lấy sông Hiền Lương - Vĩ tuyến 17 làm giới tuyến quân sự tạm thời. Dưới sự hậu thuẫn của Hoa Kỳ, chính quyền Ngô Đình Diệm ở miền Nam đã cự tuyệt tổ chức tổng tuyển cử để tái thống nhất đất nước và cắt đứt quan hệ giữa hai miền. Tuy nhiên, tại khu vực giới tuyến, hoạt động trao đổi kinh tế vẫn được duy trì cho đến cuối năm 1958. Hoạt động này không chỉ góp phần ổn định đời sống nhân dân ở hai bên giới tuyến mà còn giúp duy trì liên lạc giữa hai miền trong bối cảnh đất nước bị chia cắt. Thông qua việc làm rõ tình hình trao đổi kinh tế ở khu vực giới tuyến trên các phương diện như tình hình đi lại và kim ngạch buôn bán, mặt hàng và giá cả, bài báo rút ra một số nhận xét về quan hệ giữa hai miền Bắc Nam Việt Nam những năm 1954-1958.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Sau tháng 7-1954, với việc Việt Nam bị chia cắt thành hai miền tại sông Hiền Lương – Vĩ tuyến 17 đã gây nên những khó khăn và phức tạp cho công cuộc khôi phục kinh tế và tái thiết đất nước sau chiến tranh. Nằm trong âm mưu ngăn chặn sự phát triển của làn sóng cách mạng, Hoa kỳ đã can thiệp vào miền Nam, dựng lên chính quyền Ngô Đình Diệm và biến Vĩ tuyến 17 thành tuyến đầu chống Cộng ở Đông Nam Á. Quan hệ giữa hai miền Bắc Nam Việt Nam hầu như bị cắt đứt. Tuy nhiên, tại khu vực giới tuyến quân sự tạm thời, việc đi lại của nhân dân vẫn được duy trì cho đến cuối năm 1958. Đi kèm là hoạt động trao đổi kinh tế vẫn diễn ra khá sôi động. Thực tế này lâu nay được ít chú ý trong các công trình nghiên cứu về lịch sử Việt Nam hiện đại, kể cả các nghiên cứu về lịch sử kinh tế. Thông qua việc bước đầu làm rõ quá trình trao đổi kinh tế tại khu vực giới tuyến, bài báo góp phần rút ra một số nhận xét về mối quan hệ giữa hai miền Bắc Nam Việt Nam trong khoảng thời gian trên. Đây là sự khác biệt so với một số quốc gia cùng chung tình trạng chia cắt như Việt Nam trong thời gian này.

2. PHƯƠNG PHÁP

Trong quá trình nghiên cứu và thực hiện bài báo, tác giả sử dụng phương pháp lịch sử và phương pháp lô-gic là chủ yếu. Các phương pháp như phân kì lịch sử, thống kê, tổng hợp, phân tích, so sánh nhằm xử lý các nguồn tư liệu và số liệu cũng được sử dụng xuyên suốt nhằm rút ra những nhận xét phù hợp.

3. KẾT LUẬN

3.1. Sự hình thành và hoạt động trao đổi kinh tế giữa hai miền Bắc Nam ở khu vực giới tuyến những năm 1954-1958

Hiệp định Genève (ngày 21-7-1954) quyết định tạm chia Việt Nam thành hai miền tại sông Hiền Lương - Vĩ tuyến 17 trong thời gian hai năm trước khi tổ chức tổng tuyển cử tái thống nhất vào tháng 7-1956. Trong

Tác giả liên hệ: Hoàng Chí Hiếu;
Địa chỉ e-mail: hoangchihieu@dhsphue.edu.vn
DOI: https://doi.org/10.26459/jse.029.2026

thời hạn 300 ngày kể từ khi Hiệp định có hiệu lực, Quân đội Nhân dân Việt Nam và Quân đội Liên hiệp Pháp thực hiện việc chuyển quân tập kết, đi kèm theo đó là nhân dân hai miền được tự do đi lại, lựa chọn nơi sinh sống. Với quy định này, phần lớn huyện Vĩnh Linh thuộc tỉnh Quảng Trị nằm ở phía Bắc sông Hiền Lương được giải phóng, phần còn lại ở phía Nam đặt dưới sự quản lí của Quân đội Liên hiệp Pháp (và sau đó là chính quyền Ngô Đình Diệm thay thế). Sau ngày 16-5-1955, khi quân Pháp rút khỏi miền Bắc thì đôi bờ giới tuyến là khu vực duy nhất thực hiện các mối quan hệ giữa hai miền.

Trước ngày 21-7-1954, khu vực này có mạng lưới buôn bán khá mật thiết, với nhiều chợ truyền thống, như ở phía Bắc có chợ Huyện (ở trung tâm huyện lỵ Vĩnh Linh, nằm bên bờ sông đào Hồ Xá, nối với sông Hiền Lương qua nhánh sông Sa Lung), chợ Do (gần Cửa Tùng, nơi sông Hiền Lương đổ ra Biển Đông); ở phía Nam có chợ Nam Đông, chợ Cầu (thuộc huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị) và đặc biệt là chợ Bạn (xã Vĩnh Liêm, huyện Vĩnh Linh)1. Nếu như các chợ trên nằm hoàn toàn trong vùng tạm chiếm thì chợ Bạn nằm ở vùng giáp ranh, nơi đầu mối buôn bán từ Đông Hà, Huế với vùng du kích và chiến khu ở Vĩnh Linh, từ đây thương nhân có thể kết nối trực tiếp đến chợ Huyện theo tuyến sông Hiền Lương. Cuối tháng 8-1955, chính quyền quận Trung Lương (được lập ra ở Nam giới tuyến vào ngày 26-8-1954) âm mưu triệt phá chợ Bạn nhằm chuyển lên lập chợ mới ở Võ Xá nhưng bất thành (Hoàng, 2024, pp. 94-95). Tuy nhiên, đến tháng 7-1956, khi chính quyền Ngô Đình Diệm "khóa tuyến", cắt đứt việc qua lại sông Hiền Lương thì đầu mối buôn bán ở phía Nam không còn.

Theo tuyến đường biển, thương nhân có thể đi từ các cảng ở Cửa Việt (Quảng Trị), Thuận An (Thừa Thiên Huế) và Đà Nẵng ra Cửa Tùng hoặc Vịnh Mốc (Vĩnh Linh). Từ sau ngày 20-7-1955, để rút ngắn khoảng cách cho thương nhân từ miền Nam ra và thuận lợi cho việc chuyên chở hàng hóa lên xuống chợ Huyện thông qua tuyến đường Cặp Lài nối Hồ Xá - Cửa Tùng vừa xây dựng xong, địa điểm Mũi Si (sát với Cửa Tùng) được lựa chọn để thay thế cho Vịnh Mốc. Mũi Si trở thành điểm trung chuyển quan trọng giữa hai miền. Thương nhân từ Quảng Bình, Nghệ An, Hà Tĩnh vào Mũi Si bán hàng và mua hàng từ đây đưa ngược ra các địa phương phía Bắc.

Trên cơ sở triển khai chủ trương của Trung ương Đảng Lao động Việt Nam và Chính phủ Việt Nam Dân chủ cộng hoà về việc thiết lập quan hệ mọi mặt giữa hai miền và tiếp tục duy trì mạng lưới buôn bán đã có từ trước, tại khu vực giới tuyến, hoạt động trao đổi kinh tế có phần sôi động hơn trước tháng 7-1954. Trong giai đoạn đầu (từ sau ngày 21-7-1954 đến tháng 7-1956), nhân dân còn được tự do đi lại theo quy định của Hiệp định Genève. Đi kèm theo là việc buôn bán được triển khai thông qua cầu Hiền Lương, 9 cặp bến đò nối đôi bờ sông giới tuyến và đường biển. Theo kênh này, trung bình mỗi tháng có hàng trăm lượt người qua lại, với nhiều mục đích khác nhau, trong đó thực hiện buôn bán chiếm tỉ lệ khá lớn. Vĩnh Linh nhập những mặt hàng cần thiết cho miền Bắc như gạo, dầu hỏa, vải các loại,…; đặc biệt qua cửa khẩu Hiền Lương, cuối năm 1954, mỗi ngày Vĩnh Linh nhập hơn 10 tấn gạo nhằm bình ổn giá cả lương thực, góp phần tích cực vào việc chống đói ở Quảng Bình. Dựa vào các điều 6, 7, 8, 9 trong Hiệp định Genève về việc cho phép qua lại giới tuyến quân sự tạm thời, ta đấu tranh đòi chính quyền Ngô Đình Diệm phải đảm bảo sự đi lại của nhân dân hai miền. Do đó, về cuối năm 1955 và đầu năm 1956, việc qua lại giới tuyến vẫn tiếp tục duy trì. Cụ thể, ngày 8-11-1955, trong phiên họp của Ban Liên hợp Khu phi quân sự, Quận trưởng Trung Lương chuyển cho Trưởng phái đoàn Quân đội Nhân dân Việt Nam kí 8.120 giấy thông hành cấp cho nhân dân bờ Nam được ra Bắc (Ban Chấp hành Đảng ủy Khu vực Vĩnh Linh, 1955, p. 8). Qua đầu năm 1956, chính quyền quận Trung Lương cấp cho nhân dân Khu phi quân sự Bắc 640 giấy thông hành đặc biệt dài hạn và chuyển qua ta cấp 91 giấy thông hành cho đồng bào bờ Nam. Tháng 1-1956, trong số 282 người có đơn xin giấy thông hành đặc biệt vượt tuyến ngắn hạn vào Nam, đối phương chỉ cấp phép cho 197 người (Ban Quan hệ Bắc Nam Trung ương, 1956, p. 3). Theo thống kê năm 1956 (chủ yếu là nửa đầu năm), trong số 3.390 người từ Nam ra, bên cạnh phần lớn là người tập kết, có 481 người ra buôn bán. Trong khi đó, từ Bắc vào chủ yếu là buôn bán, có tới 354 trên tổng số 568 người, chưa kể có 25 thương nhân từ Hà Nội và các tỉnh phía Bắc (Ủy ban Hành chính Khu vực Vĩnh Linh, 1957, p. 8). Nhờ vậy, quan hệ kinh tế giữa nhân dân hai bên giới tuyến vẫn duy trì như giúp nhau cày ruộng, trâu bò, giống má để sản xuất, ... Tám (8) tháng đầu năm 1956, Vĩnh Linh xuất 81.310.945 đồng, nhập 113.659.000 đồng, buộc đối phương chuyển vào Nam 2.797,5 tấn thư từ, bưu thiếp, hàng hóa (Ban Chấp hành Đảng ủy Khu vực Vĩnh Linh, 1956, pp. 6-7).

Trong giai đoạn tiếp theo (từ tháng 7-1956 đến cuối năm 1958), chính quyền Ngô Đình Diệm "khóa tuyến", ngăn cấm qua lại sông Hiền Lương. Qua năm 1957, nhằm nắm bắt thông tin về Vĩnh Linh và rộng ra là miền Bắc sau cải cách ruộng đất, chính quyền Sài Gòn nối lại việc cho phép nhân dân, đặc biệt là thương

[1]. Một khúc ru con ở địa phương phản ánh mối quan hệ buôn bán mật thiết giữa nhân dân đôi bờ giới tuyến: "Ru em em théc cho muồi/Để mẹ đi chợ mua vôi ăn trầu/Mua vôi chợ Quán, chợ Cầu/Mua cau Cẩm Phổ, mua trầu chợ Do". (Chợ Quán Ngang, chợ Cầu và chợ Cẩm Phổ ở bờ Nam sông Hiền Lương thuộc huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị; chợ Do nằm ở phía Bắc sông Hiền Lương thuộc huyện Vĩnh Linh).

nhân được qua lại giới tuyến. Ba tháng đầu năm 1957, có 53 chiếc thuyền với 103 chuyến ra Mũi Si để buôn bán. Giá trị hàng xuất nhập đạt 496.589.000 đồng, tăng gấp 5 lần so với 6 tháng đầu năm 1956 và tăng 71% so với cả năm 1956 (Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Vĩnh Linh, 2020, pp. 218-219). Tổng cộng, năm 1957 có tới 3.243 lượt người từ Nam ra, trong đó chủ yếu là người theo thuyền buôn từ Quảng Trị, Thừa Thiên Huế và Đà Nẵng ra Mũi Si (Ban Chấp hành Đảng ủy Khu vực Vĩnh Linh, 1958, p. 7). Qua năm 1958, trước đề nghị của chính phủ Việt Nam Dân chủ cộng hòa (ngày 7-3) về việc tái lập quan hệ bình thường giữa hai miền, trong đó có việc mở rộng chế độ trao đổi bưu thiếp và buôn bán, ngày 26-4-1958, chính quyền Ngô Đình Diệm ra Tuyên cáo bác bỏ (Lưu, 1996, pp. 219-220). Ở cấp Trung ương, đối phương gây sức ép dữ dội, buộc ta phải rút Phái đoàn liên lạc Quân đội nhân dân Việt Nam bên cạnh Ủy ban quốc tế giám sát và kiểm soát thi hành Hiệp định Genève tại Sài Gòn ra miền Bắc (ngày 17-5-1958) (Nhiều tác giả, 2000, pp. 144-145). Ở địa phương, việc qua lại bằng đường biển của nhân dân giữa hai miền dần bị thu hẹp và rơi vào tình trạng bế tắc hoàn toàn. "Trong năm 1958, tổng số người trong Nam ra Bắc là 457 người trong đó gồm có hai loại: Vượt tuyến hoặc địch tung ra có 282 người, ra có quyết nghị 175 người. So sánh với năm 1957 thì năm 1958 ít thua 2.786 người. Tóm lại, tình hình đi lại vẫn nằm trong tình trạng bế tắc, nhất là từ tháng 9 đến nay. Việc vượt tuyến ra Bắc thăm rồi trở vào lại như mọi năm thì năm nay tuyệt đối không có" (Ban Chấp hành Đảng ủy Khu vực Vĩnh Linh, 1958, p. 8). Khi việc qua lại giới tuyến bị cắt đứt hoàn toàn thì song hành là việc buôn bán, trao đổi kinh tế Bắc Nam cũng chấm dứt.

Như vậy, trong những năm 1956-1958, cùng với việc trao đổi bưu thiếp tại cầu Hiền Lương (được thực hiện bởi lực lượng công an và cảnh sát), hoạt động buôn bán tại Mũi Si là kênh liên lạc duy trì quan hệ giữa nhân dân hai miền trong khi nhìn chung trên cả nước, chính quyền Ngô Đình Diệm đã cắt đứt các mối liên hệ với miền Bắc. Tổng cộng qua 4 năm (1955-1958), kim ngạch trao đổi giữa hai miền đạt được như bảng 1 sau (Phạm & Vương, 2009, p. 68):

Bảng 1. Kim ngạch xuất nhập khẩu giữa hai miền những năm 1955-1958

Năm	Tổng xuất – nhập	Miền Bắc xuất	Miền Bắc nhập
1955	4.216 triệu đồng	2.047,4 triệu đồng	2.168,6 triệu đồng
1956	607 triệu đồng	327,5 triệu đồng	339,5 triệu đồng
1957	1.340 triệu đồng	583,1 triệu đồng	756,9 triệu đồng
1958	217 triệu đồng	98,2 triệu đồng	118,8 triệu đồng

2. Mặt hàng buôn bán và giá cả

Đặt trong bối cảnh lịch sử lúc bấy giờ cũng như thực tế sản xuất, tiêu dùng của các địa phương mà số lượng mặt hàng trao đổi giữa hai bên không được đa dạng lắm. Miền Bắc xuất khẩu chủ yếu là lương thực, thực phẩm, sản phẩm chăn nuôi và một số mặt hàng thủ công đơn giản và nhập khẩu từ miền Nam những hàng công nghệ phẩm, đặc biệt là nguyên vật liệu phục vụ sản xuất. Chẳng hạn, nửa sau tháng 10-1955, xuất nhập qua giới tuyến có những mặt hàng sau đây: Hàng nhập khẩu từ chợ Bạn và Đông Hà gồm: Gạo ruộng, dầu hỏa, dầu dừa, xà phòng giặt, đường bánh, đường cát, sợi các loại, sữa, vải diêm bầu, vải phin trắng, vải toa-do-len, vải ka-ky Mỹ, vải tô-bo-lin, ny-lông, chì trái, đá lửa, săm lốp xe đạp. Qua tháng 11, số mặt hàng phong phú hơn như có máy lửa, dầu Nhị thiên đường, săm lốp ô tô, xe đạp Peugeot, giấy quyển (Phòng Giao dịch mua bán Bắc Nam Liên khu 4 – Tổ Vĩnh Linh, 1955). Đây đều là những mặt hàng vốn khá phổ biến ở vùng tạm chiếm trước đây nhưng khá khan hiếm ở vùng tự do bởi thường bị thực dân Pháp cấm thương nhân đưa vào buôn bán. Bên cạnh các mặt hàng tiêu dùng, Vĩnh Linh còn nhập một số công cụ sản xuất như lưỡi cày, chì lưới,… Hàng xuất khẩu của Vĩnh Linh có mè trắng (vừng), dầu xanh, lạc nhân, hành múi, trứng vịt, thúng Nghệ An, rá vo gạo, chén vành xanh, thịt bò, thịt lợn, nón lá to, nón lá vừa, gà con.

Nhằm khuyến khích buôn bán giữa hai miền và đặc biệt là thể hiện nền thống nhất quốc gia, Điều lệ tạm thời số 513/TTg của Thủ tướng Chính phủ Việt Nam Dân chủ cộng hoà ngày 16-4-1955 "Về việc buôn bán giữa miền Bắc và miền Nam nước Việt Nam" quy định: "Tất cả các loại hàng sản xuất ở miền Bắc hay miền Nam đều được trao đổi buôn bán mà không phải đóng thuế xuất nhập khẩu" (Phạm & Vương, 2009, p. 66). Nhìn chung, trong thời gian đầu do khoảng cách đi lại khá gần và chính sách miễn thuế của chính phủ Việt Nam Dân chủ cộng hoà nên mức độ chênh lệch giá cả giữa hai vùng không đáng kể. Tuy nhiên, từ khi chính quyền miền Nam hạn chế việc qua lại giới tuyến, nhất là từ cuối năm 1955 trở đi thì giá cả nhiều mặt hàng biến động, tăng 10-15% (Phòng Giao dịch mua bán Bắc Nam Liên khu 4 – Tổ Vĩnh Linh, 1955).

Một mặt hàng đặc biệt được Vĩnh Linh ưu tiên thu mua là đồng Đông Dương. Theo Thể lệ tạm thời về quản lí ngoại hối của Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 6-10-1954, trên lãnh thổ miền Bắc chỉ thừa nhận một đồng tiền chính thức là tiền do Ngân hàng Quốc gia Việt Nam phát hành. Tuy nhiên, do thời hạn 300 ngày để chuyển giao vùng tập kết nên ở những vùng quân đội Pháp còn tạm chiếm, giấy bạc Đông Dương vẫn tạm thời được sử dụng. Bởi lúc này, nhu cầu nhập khẩu máy móc, nguyên nhiên liệu,… chuẩn bị cho

phục hồi kinh tế ở miền Bắc hoặc nhập gạo từ miền Nam ra qua cảng Hải Phòng là rất lớn và các giao dịch này được thanh toán bằng đồng Đông Dương. Do vậy, nhà nước cần phải nắm được trong tay một số lượng lớn đồng tiền này. Tỉ giá đồng Đông Dương so với đồng bạc Việt Nam dao động tùy thời điểm. Cuối năm 1954, tỉ giá quy đổi giữa hai đồng tiền là 1 đồng Đông Dương ăn 30 đồng Việt Nam (Phạm & Vương, 2009, pp. 66-67). Tuy nhiên, mức độ trượt giá đồng Đông Dương sẽ tăng lên theo đà rút quân của Pháp và thái độ của chính quyền Ngô Đình Diệm ở miền Nam.

Mặt khác, những mặt hàng trao đổi hai chiều trên đây không cố định mà có sự thay đổi theo thời gian. Chẳng hạn, thời gian đầu, Vĩnh Linh chủ yếu xuất lương thực, thực phẩm và nhập hàng công nghệ phẩm thì từ năm 1956, ở chiều xuất đi đã có một số mặt hàng công nghiệp của Trung Quốc và các nước Đông Âu (Ban Chấp hành Đảng ủy Khu vực Vĩnh Linh, 1958, p. 10). Từ cuối năm 1954 đến cuối năm 1955, Vĩnh Linh phải nhập gạo từ Quảng Trị và Thừa Thiên ra nhưng năm 1956 thì ngược lại, thương nhân từ Nam giới tuyến ra Vĩnh Linh mua gạo khá đông, khiến giá gạo bị đẩy lên khá cao, từ 20-22% (Ban Chấp hành Đảng ủy Khu vực Vĩnh Linh, 1958, p. 10). Điều này phản ánh một thực tế rằng, chỉ sau một thời gian rất ngắn của công cuộc khôi phục kinh tế và hàn gắn vết thương chiến tranh, ở Vĩnh Linh, sản xuất nông nghiệp cơ bản đã hoàn thành mục tiêu đề ra và có sự phát triển trội hơn so với bên kia giới tuyến. Hệ thống giao thông kết nối từ Vĩnh Linh đi các tỉnh phía Bắc đã được phục hồi, một số mặt hàng công nghệ của các nước xã hội chủ nghĩa đã đến được khu vực giới tuyến để dần thay thế hàng nhập từ phía Nam. Đây là cơ sở để Vĩnh Linh tiếp tục được Trung ương đầu tư, xây dựng thành "nơi tiêu biểu nhất" của chế độ xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn tiếp theo, có tác động tích cực đến công cuộc đấu tranh thống nhất đất nước.

3. Một số nhận xét

Tại khu vực được xem là "hình ảnh thu nhỏ" của Việt Nam thời kì 1954-1975, hoạt động trao đổi kinh tế như đã nêu trên phản ánh phần nào mối quan hệ giữa hai miền sau tháng 7-1954.

Một là, hoạt động trao đổi kinh tế ở khu vực giới tuyến là sự tiếp nối trao đổi giữa vùng tự do và vùng tạm chiếm, như trước khi đình chiến, diễn ra trong bối cảnh mới. Trong thời kì 1945-1954, do tập trung nguồn lực phục vụ kháng chiến chống thực dân Pháp nên ngoài một số ngành sản xuất thiết yếu tại vùng tự do, Chính phủ Việt Nam Dân chủ cộng hoà đã có những chính sách thúc đẩy việc buôn bán giữa hai vùng. Vùng tự do bán ra nông sản, thực phẩm và nhập từ vùng tạm chiếm những mặt hàng tiêu dùng phục vụ đời sống nhân dân. Với Hiệp định Genève, khu vực giới tuyến trở thành "hình ảnh thu nhỏ" của đất nước trong thời kì 1954-1975, với hai chế độ chính trị - xã hội đối nghịch. Nguyên toàn bộ khu vực giới tuyến trước ngày 21-7-1954 đều thuộc huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị. Sau khi ngừng bắn, phần lớn huyện Vĩnh Linh được giải phóng, thuộc về miền Bắc xã hội chủ nghĩa, phần còn lại đặt dưới sự quản lí của Quân đội Liên hiệp Pháp (sau là chính quyền Ngô Đình Diệm). Do đó, buôn bán, trao đổi kinh tế ở khu vực giới tuyến tuy nhìn bên ngoài là giữa hai nền kinh tế nhưng về bản chất vẫn là hai vùng trong một nước, bởi như Điều 6 của Bản tuyên bố cuối cùng của Hội nghị Genève: "Giới tuyến quân sự giữa hai vùng không phải là đường biên giới chính trị vĩnh viễn". Vì thế, Chính phủ Việt Nam Dân chủ cộng hoà xem việc buôn bán giữa hai miền chỉ là vấn đề thuần túy nội thương, khi chủ trương miễn thuế xuất nhập khẩu đối với hàng nội hóa. Về thời gian, đây là sự tiếp nối các quan hệ buôn bán sẵn có trước đây tại địa phương, với mạng lưới chợ và các luồng hàng khá thuận lợi thông qua sông Hiền Lương và các chi lưu của nó. Tùy theo tình hình mà mạng lưới này có thay đổi, từ chỗ thương nhân có thể qua lại buôn bán trên toàn giới tuyến thời gian đầu đến chỗ chỉ còn bằng đường biển và tập trung về đầu mối duy nhất ở Mũi Si.

Hai là, trao đổi kinh tế qua giới tuyến quân sự tạm thời là một trong những hình thức nhằm duy trì quan hệ giữa hai miền Bắc Nam, góp phần vào công cuộc đấu tranh thống nhất đất nước sau Hiệp định Genève 1954. Nhất quán quan điểm "nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một", giới tuyến quân sự tạm thời tại Vĩ tuyến 17 chỉ có tính chất tạm thời, không được coi là biên giới chính trị như Hiệp định Genève đã quy định, Đảng và Chính phủ Việt Nam Dân chủ cộng hoà sớm ban hành các văn bản về việc thực hiện đấu tranh thống nhất đất nước, trong đó có trao đổi kinh tế giữa hai miền. Đối với vị trí tuyến đầu miền Bắc, Chính phủ đã cho thành lập ở Vĩnh Linh những bộ phận liên quan để đảm bảo hỗ trợ tối đa cho nhiệm vụ này (như Phòng hải quan, Phòng quản lí xuất nhập khẩu, Phòng đại lý ngoại hối, Tổ giao dịch Bắc Nam của Mậu dịch xuất nhập khẩu Liên khu 4). Trong tổng thể các mối quan hệ giữa hai miền sau thời hạn 300 ngày chuyển quân tập kết, tại giới tuyến quân sự tạm thời vẫn duy trì được các hoạt động như đi lại của nhân dân và buôn bán, thiết lập chế độ trao đổi bưu thiếp qua cầu Hiền Lương, kiểm soát liên hợp ở Cửa Tùng. Do đó, việc trao đổi kinh tế này lẽ ra chỉ mang tính tạm thời trong thời hạn hai năm như quy định của Hiệp định Genève nhưng trên thực tế đã kéo dài hơn 4 năm, bất chấp việc từ sau tháng 7-1956, chính quyền Ngô Đình Diệm đã thực hiện "khóa tuyến", ngăn cấm người qua lại sông Hiền Lương. Đặt trong bối cảnh chung của đất nước lúc bấy giờ, trao đổi kinh tế chính là một trong những hình thức duy trì quan hệ bình thường giữa hai miền.

Ba là, thực tế trao đổi kinh tế tại khu vực giới tuyến phần nào phản ánh tình hình sản xuất và đời sống của

nhân dân hai miền, trước hết là ở Vĩnh Linh, Quảng Bình và Quảng Trị, Thừa Thiên Huế. Hàng hóa trao đổi giữa hai vùng bên cạnh hàng công nghệ phẩm của các nước tư bản là những sản phẩm được sản xuất tại địa phương, như lương thực, thực phẩm, gia súc, gia cầm và hàng thủ công. Số lượng mặt hàng trao đổi cũng không được phong phú lắm. Điều này xuất phát từ chính điều kiện sản xuất của các địa phương ở khu vực này. Trong thời kì 1945-1954, Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên Huế thuộc vùng Pháp tạm chiếm, còn Thanh Hóa, Nghệ An và Hà Tĩnh thuộc vùng tự do. Chiến sự đã diễn ra ác liệt trên vùng đất "Bình Trị Thiên khói lửa" khiến sản xuất đình trệ, ruộng đất nhiều nơi bỏ hoang. Để phục vụ cuộc tiến công chiến lược Đông Xuân 1953-1954, đỉnh cao là chiến dịch Điện Biên Phủ, nhân dân các địa phương đã dốc toàn lực thậm chí là vét đến hạt thóc cuối cùng, khiến nguồn lực hàng hóa, lương thực phẩm gần như cạn kiệt (Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa, 2010, p. 19). Do vậy, ngay khi hòa bình vừa lập lại, nền kinh tế cần có thời gian để hàn gắn vết thương chiến tranh, cơ sở hạ tầng giao thông từ Hà Nội và các tỉnh phía Bắc vào chưa được khôi phục,… thì số lượng mặt hàng có thể đưa ra thị trường còn hạn chế là điều dễ hiểu. Mặt khác, cũng từ vị trí tuyến đầu của miền Bắc nên Vĩnh Linh trở thành nơi tập trung thương nhân từ các địa phương thuộc Liên khu 4 vào buôn bán. Nghĩa là thị trường Vĩnh Linh không phải chỉ cho phục vụ nhu cầu tại chỗ mà còn cho các địa phương phía Bắc. Ở chiều ngược lại, để góp phần ổn định đời sống nhân dân và phục hồi sản xuất, nhu cầu nhập hàng hóa, công cụ sản xuất từ miền Nam ra khá lớn. Đó chủ yếu là những mặt hàng mà trước đây khá khan hiếm ở vùng tự do như Nghệ An và Hà Tĩnh cũng như vùng mới giải phóng như Quảng Bình và Vĩnh Linh. Đặc biệt, sau khi quân Pháp rút khỏi miền Bắc thì Vĩnh Linh là nơi duy nhất có thể cung cấp những mặt hàng này. Cho đến giữa năm 1955, "chợ Vĩnh Linh buôn bán các loại hàng ngoại hóa cần thiết như thuốc men, phụ tùng xe đạp, lốp xe hơi, dầu hỏa … do thương nhân ở Thừa Thiên, Quảng Trị đưa sang bán" (Nguyễn, 1955). Sự phong phú hàng ngoại hóa ở vùng tạm chiếm phía Nam giới tuyến vốn sẵn có từ trước tháng 7-1954 nay càng phổ biến hơn bởi chính sách "viện trợ thương mại hóa" của chính quyền Ngô Đình Diệm đã đưa hàng hoá Mỹ và một số nước đồng minh Mỹ tràn ngập thị trường miền Nam (Viện Sử học, 2014, pp. 191-192). Điều này dẫn đến việc bóp nghẹt sản xuất tại chỗ. Mặt khác, chính sách "cải cách điền địa" triển khai trên toàn miền Nam và riêng tại Quảng Trị và Thừa Thiên Huế là "xáo cấp" ruộng đất của chính quyền Ngô Đình Diệm càng làm cho sản xuất nông nghiệp ở Nam giới tuyến những năm 1956-1957 đi xuống. Trong khi đó, ở chiều ngược lại, ở Vĩnh Linh cuối năm 1954 đến cuối năm 1955 từ chỗ phải nhập gạo từ Quảng Trị ra thì đến cuối năm 1956, dòng chảy của mặt hàng này đã quay chiều. Nghĩa là chỉ sau một thời gian rất ngắn, công cuộc khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh của Vĩnh Linh, trước hết là về sản xuất nông nghiệp, cơ bản đã hoàn thành, tạo điều kiện để chuyển sang giai đoạn cải tạo xã hội chủ nghĩa nhằm tiếp tục khẳng định sự ưu việt của chế độ mới ở miền Bắc so với chế độ thuộc địa kiểu mới ở miền Nam.

Bốn là, trao đổi kinh tế ở khu vực giới tuyến những năm 1954-1958 cho thấy quan hệ giữa hai miền Bắc Nam hoàn toàn không bị đóng kín. Nhiều nghiên cứu trước đây ít chú ý đến việc đi lại của nhân dân giữa hai miền sau Hiệp định Genève, nhất là sau tháng 7-1955, khi kết thúc thời hạn 300 ngày chuyển quân tập kết. Thậm chí có nghiên cứu còn cho rằng: *"Vĩ tuyến 17 trở thành một trong những đường biên giới bị hạn chế nhất trên thế giới"* (Herring, 2004, p. 98). Tuy có những thời điểm nhất định bị gián đoạn nhưng trên thực tế nhìn chung việc qua lại giới tuyến quân sự tạm thời vẫn còn được duy trì. Đi kèm là hoạt động trao đổi kinh tế, vẫn được thực hiện trong thời gian khoảng 2 năm sau khi chính quyền Ngô Đình Diệm chính thức cự tuyệt tổ chức tổng tuyển cử tái thống nhất đất nước. Đây đồng thời là nét khác biệt trong quan hệ giữa hai miền của Việt Nam so với hai quốc gia cùng chung tình trạng chia cắt là Đức và Triều Tiên. Ở hai quốc gia này là sự đóng kín hoàn toàn các mối quan hệ, giữa Đông và Tây Đức là Bức tường Berlin ngăn cách và giữa hai miền Triều Tiên là Khu phi quân sự tại Vĩ tuyến 38 (Hoàng, 2017, pp. 15-23). Rộng ra, khu vực giới tuyến tại Vĩ tuyến 17 Việt Nam là một trường hợp duy nhất có sự giao lưu, trao đổi kinh tế giữa hai thể chế đối lập trong bối cảnh Chiến tranh Lạnh đang diễn ra gay gắt, ngay cả khi ở miền Nam, chế độ Việt Nam cộng hoà đã được thiết lập. Sự khác biệt trên đây bắt nguồn từ nguồn gốc hình thành sự chia cắt các nước. Ở châu Âu, Cộng hoà Dân chủ Đức ra đời trên vùng đất do Liên Xô quản lý và Cộng hoà Liên bang Đức thành lập dựa trên sự sáp nhập 3 khu vực do Mỹ, Anh và Pháp kiểm soát. Đây là hai quốc gia riêng biệt, có thể chế đối lập. Bức tường Berlin ra đời càng đào sâu thêm hố ngăn cách giữa hai bên. Ở Đông Bắc Á, Cộng hoà Dân chủ nhân dân Triều Tiên và Đại Hàn Dân quốc ra đời trên hai khu vực do Liên Xô và Mỹ quản lý. Hai bên đã lao vào cuộc chiến khốc liệt những năm 1951-1953. Chiến tranh kết thúc với việc thiết lập Khu phi quân sự ở Vĩ tuyến 38 nhưng không có giải pháp chính trị đi kèm. Việc tiếp xúc và đi lại giữa nhân dân hai miền Triều Tiên không diễn ra. Đối với Việt Nam, việc kết thúc chiến tranh đồng thời bằng giải pháp quân sự và giải pháp chính trị. Tuyên bố cuối cùng của hội nghị khẳng định giới tuyến quân sự tạm thời không được xem là biên giới chính trị và quy định thời hạn tổng tuyển cử để thống nhất. Trên thực địa, giới tuyến quân sự tạm thời được vạch ra tại sông Hiền Lương là khu vực đang có dân cư sinh sống bình thường thuộc một huyện, nhiều gia đình có người thân, ruộng vườn bên này hoặc bên kia sông nên vấn đề đầu tiên là

không được làm xáo trộn sinh hoạt hành chính, đi lại, làm ăn của nhân dân sở tại. Quy chế Khu phi quân sự được xây dựng cho phép việc đi lại bình thường giữa nhân dân hai miền và có các lực lượng chức năng để đảm bảo việc đi lại này được thi hành như Ủy ban Liên hợp Trung ương, Ban Liên hợp Khu phi quân sự, các Đội liên hợp của Ủy ban Liên hợp Trung ương, Tổ giám sát quốc tế 76, công an và cảnh sát giới tuyến (Hoàng, 2024, pp. 33-39). Đây chính là những cơ chế giúp cho việc đi lại giữa nhân dân hai bên giới tuyến và rộng hơn là giữa nhân dân hai miền được diễn ra thuận lợi trong những năm 1954-1958.

Năm là, trao đổi kinh tế ở khu vực giới tuyến những năm 1954-1958 phần nào cho thấy âm mưu chia cắt đất nước của chính quyền Ngô Đình Diệm. Việc thúc đẩy thiết lập quan hệ bình thường giữa hai miền nói chung và trao đổi kinh tế nói riêng chủ yếu mang tính "một chiều" từ phía Chính phủ Việt Nam Dân chủ cộng hoà trong khi đối với chính quyền Ngô Đình Diệm thì ngược lại. Nằm trong tổng thể âm mưu chia cắt đất nước lâu dài, các mối quan hệ với miền Bắc, trong đó có trao đổi kinh tế, chính quyền Ngô Đình Diệm tìm mọi cách để hủy bỏ. Ở phạm vi hẹp hơn, nhằm hạn chế buôn bán giữa hai miền, chính quyền Sài Gòn chủ trương: "Công an nên theo dõi để khám phá kịp thời bọn con buôn tay trong cho Việt cộng ở các thành phố Quảng Trị, Huế, Đà Nẵng và ven biển: Tam quan, Tam ấp (Tam kỳ, Quảng Nam), Cẩm phô (Hội An), khu Đông (Đà Nẵng),… hiện đang xuất hàng cần thiết bán cho Việt Minh" (Nguyễn, 1955). Do vậy, khi triển vọng thống nhất đất nước bằng phương pháp hòa bình không còn sau Tuyên cáo 26-4-1958 của chính quyền Ngô Đình Diệm thì tất yếu con đường đấu tranh bằng bạo lực cách mạng sẽ diễn ra, bởi lúc này nhân dân miền Nam không có con đường nào khác như Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 15 đầu năm 1959 đã khẳng định.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Vĩnh Linh. (2020). *Lịch sử Đảng bộ huyện Vĩnh Linh* (Tập 1, 1930–1975). Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật.

Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa. (2010). *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa, 1954–1975* (Tái bản). Thanh Hóa: Nhà xuất bản Thanh Hóa.

Ban Chấp hành Đảng ủy Khu vực Vĩnh Linh. (1955). *Báo cáo tình hình công tác quan hệ Bắc–Nam và bảo đảm quy chế phi quân sự trong một năm qua* (Số 592/BC-QHBN). Quảng Trị: Phòng Lưu trữ Văn phòng Tỉnh ủy (cặp 07, hồ sơ 79).

Ban Chấp hành Đảng ủy Khu vực Vĩnh Linh. (1956). *Báo cáo tình hình Khu vực Vĩnh Linh trong 8 tháng qua (9-1956)*. Quảng Trị: Ban Tuyên giáo Huyện ủy Vĩnh Linh (cũ).

Ban Chấp hành Đảng ủy Khu vực Vĩnh Linh. (1958). *Báo cáo tình hình năm 1958* (ngày 03-12-1958). Quảng Trị: Phòng Lưu trữ Văn phòng Tỉnh ủy (cặp 07, hồ sơ 79).

Ban Quan hệ Bắc Nam Trung ương. (1956). *Báo cáo tình hình công tác vận động lập lại quan hệ bình thường Bắc–Nam 3 tháng đầu năm 1956* (Số 905/BC-MN). Hà Nội: Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III (Phông Tổng cục Bưu điện, hộp 18, hồ sơ 328).

Herring, G. C. (2004). *Cuộc chiến dài ngày của nước Mỹ và Việt Nam, 1950–1975* (Phạm Ngọc Thạch, dịch). Hà Nội: Nhà xuất bản Công an Nhân dân.

Hoàng, C. H. (2017). Thống nhất đất nước thời kỳ Chiến tranh Lạnh: Trường hợp Đức, Triều Tiên và Việt Nam. *Tạp chí Lịch sử Quân sự*, (7).

Hoàng, C. H. (2024). *Khu phi quân sự – Vĩ tuyến 17 (1954–1967)* (In lần thứ ba). Huế: Nhà xuất bản Thuận Hóa.

Lưu, V. L. (1996). *Năm mươi năm ngoại giao Việt Nam, 1945–1995* (Tập 1: Ngoại giao Việt Nam 1945–1975). Hà Nội: Nhà xuất bản Công an Nhân dân.

Nguyễn, C. (1955). *Tình hình và nhận định*. Thành phố Hồ Chí Minh: Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II (Phông Đệ ICH 4020).

Nhiều tác giả. (2000). *Ngọn cờ cách mạng công khai cắm tại Sài Gòn (1955–1958)*. Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia.

Phạm, M. C., & Vương, Q. H. (2009). *Kinh tế Việt Nam: Thăng trầm và đột phá*. Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia.

Phòng Giao dịch mua bán Bắc Nam Liên khu 4 – Tổ Vĩnh Linh. (1955). *Báo cáo giá 5 ngày từ 1 đến 5-11-1955* (Số 436-VG/VL, ngày 05-11-1955). Quảng Trị: Trung tâm Lưu trữ Lịch sử tỉnh.

Ủy ban Hành chính Khu vực Vĩnh Linh. (1957). *Báo cáo tình hình đi lại giữa hai miền, đời sống cán bộ đồng bào miền Nam ở Khu vực Vĩnh Linh trong năm 1956* (ngày 01-01-1957). Quảng Trị: Trung tâm Lưu trữ Lịch sử tỉnh.

Viện Sử học. (2014). *Lịch sử Việt Nam* (Tập 12: 1954–1965). Hà Nội: Nhà xuất bản Khoa học Xã hội.

The relationship between North and South Vietnam in 1954 - 1958, viewed through economic exchange activities in the temporary military demarcation zone

Hoang Chi Hieu[1], Huynh To Minh Chau[2]

[1]*Faculty of History, University of Education, Hue University*

[2]*FPT School Hue, Hue City*

ARTICLE INFO

Article history:
Received: 17 October 2025
Received in revised form: 13 November 2025
Accepted: 27 November 2025
Published: 20 February 2026

Keywords:
Economic exchange;
Demarcation line;
North Vietnam;
South Vietnam;
Vietnam.

Corresponding author:
Hoang Chi Hieu
E-mail address:
hoangchihieu@dhsphue.edu.vn

ABSTRACT

According to the Geneva Agreement (July 21, 1954), Vietnam was temporarily divided into two regions, Hien Luong River—at the 17th parallel serving as the provisional military demarcation line. Under the support of the US, Ngo Dinh Diem's government in the South refused to hold a general election to reunify the country and severed relations between the two regions. However, in the demilitarized zone, economic activities continued to be implemented until the end of 1958. These activities not only helped stabilize the lives of people on both sides of the demarcation line but also maintained the communication between the two regions during the time of national division. Through clarifying the economic exchange activities in the demarcation zone in terms of travel, trade volume, goods, and prices, this article draws some observations on the relationship between North and South Vietnam during the years 1954–1958.